

TỔNG QUAN VỀ ĐẠO MẪU TAM PHỦ TỨ PHỦ Ở BÌNH DƯƠNG

Đỗ Thanh (*)

I. SỰ DU NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẠO MẪU Ở BÌNH DƯƠNG

Đạo Mẫu là một tín ngưỡng bản địa có nguồn gốc từ thời nguyên thủy. Là một đất nước nông nghiệp trồng lúa nước nơi vai trò kinh tế của người phụ nữ rất quan trọng cũng như mong ước phồn thực, mong ước sự sinh sôi nảy nở đã nảy sinh tâm lý trọng nữ, tôn thờ Nữ thần. Tâm lý đó phản ánh qua rất nhiều hình tượng người phụ nữ như mẹ Âu Cơ, Bà Trưng, bà Triệu... cũng như hàng trăm nữ thần được thờ cúng. Từ nền tảng tín ngưỡng thờ Nữ thần, trải qua quá trình phát triển lâu dài, thu nhận những ảnh hưởng tích cực của Đạo giáo (tục thờ Thần), Phật Giáo (Phật Mẫu), Đạo Mẫu đã được hoàn thiện thành một hệ thống bài bản lấy việc tôn thờ Mẫu (Mẹ) là cốt lõi.

Về cơ bản, Đạo Mẫu có một hệ thống thần linh chặt chẽ xếp từ trên xuống dưới gồm: Phật Bà Quan Âm, Ngọc Hoàng, Tam Tòa Thánh Mẫu (Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải, Mẫu Địa), Ngũ Vị Quan Lớn (5 – 10 vị), Tứ Vị Châu Bà (từ 4 – 6 – 12 Châu Bà), ông Hoàng (từ 5 – 10 ông Hoàng), Cô (12 Cô), Cậu (12 Cậu), Ngũ Hổ và ông Lót (Rắn). Bên cạnh đó là hệ thống thần tích, thần phả các thánh được chuyển tải qua các truyện kể, truyền thuyết, sắc phong và các bài Văn châu.

Đạo Mẫu cũng có một hệ thống nghi lễ, trong đó nghi lễ quan trọng nhất là Lên đồng. Đó là nghi lễ nhập hồn của các vị Thánh vào thân xác các ông đồng, bà đồng, là sự tái hiện lại hình ảnh của các vị thánh nhằm phán truyền, chữa bệnh, ban phúc lộc cho các con nhang đệ tử. Xoay quanh nghi lễ Hầu đồng là một hệ thống rất bài bản các bài văn cúng, các đồ dâng cúng, đồ mã và âm nhạc (nghệ thuật hát Châu văn).

Đạo Mẫu xuất hiện trong lòng đồng bằng Bắc Bộ. Theo chân những người Việt Bắc Bộ, Đạo Mẫu đã lan tỏa khắp ba miền của đất nước. Nhưng với Đạo Mẫu được những lưu dân người Việt Bắc Bộ mang theo trong hành trang Nam tiến khoảng thế kỷ XVII - XVIII thì Đạo Mẫu đã tiếp thu ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ Nữ thần của các dân tộc anh em khác như Chăm, Hoa, Khmer cũng như nghi lễ cúng kiến các Nữ thần đó, lược bỏ nhiều thành tố để hình thành nên Múa bóng rối – một nghi thức hầu Mẫu ở Nam Bộ. Chỉ tới thời kỳ Pháp thuộc, theo chính sách phu đồn điền cao su của Pháp và đặc biệt từ sau năm 1954 thì đạo Mẫu Tam phủ, Tứ phủ do người Việt mang trực tiếp từ Bắc Bộ vào mới bắt đầu phát triển ở Nam Bộ, nhất là ở phía Đông Nam Bộ.

Cơ sở vật chất đầu tiên đánh dấu sự có mặt của Đạo Mẫu ở Bình Dương là “chùa” Ứng Linh thuộc làng Định Thành, quận Dầu Tiếng (nay thuộc Kp.3, TT. Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng). Chùa do ông đồng Đỗ Viết Quý (tên chữ Hán 杜曰鬼) đứng ra xây dựng vào năm 1945. Ông Quý sinh năm 1912, quê ở Nam Định vốn là một ông đồng. Khoảng năm 1943 theo chính sách mộ dân ở Bắc và Trung Kỳ đưa vào Nam làm việc tại các đồn điền cao su của Pháp, ông Quý đã dấn thân tới làng Định Thành, quận Dầu Tiếng. Tại đây, ông đã làm phu đồn điền khoảng từ 1 đến 2 năm rồi nghỉ, tập trung vào “làm việc Thánh” tại đền và cúng lễ khi có gia đình nào mời. Năm 1945 ông đứng ra cất ngôi “chùa”¹ Ứng Linh. Ngày 8 tháng 8 âm lịch năm 1953, chùa

(*) Bảo tàng Bình Dương. Email: thanhtdcc@gmail.com

¹ Theo lời kể của bà Hồng – con dâu ông Quý, cách bài trí của chùa cũ giống như phủ mới nên có thể khẳng định đây là một cơ sở của Đạo Mẫu. Việc lấy tên là Chùa nhằm được sự đồng ý của chính quyền sở tại vì Chùa là một khái niệm dễ hiểu và gần hơn với những tên đền, phủ còn xa lạ với cư dân miền Nam.

bị cháy; đến tháng 10 ông xây dựng lại và từ ngày 12 đến ngày 16 tháng 11 năm 1953 thì làm lễ khánh thành. Chùa mới xây dựng lại lấy tên chính thức là Ứng Linh phủ và tên đó còn dùng tới ngày nay.

Từ sau năm 1954, đạo Mẫu ở Bình Dương phát triển mạnh hơn với đợt di dân lớn của người Việt Bắc Bộ sau hiệp định Giơnevơ 1954. Người di cư phần lớn thuộc các tỉnh Ninh Bình, Nam Định, và đây cũng là các trung tâm lớn của Đạo Mẫu nên trong đó có rất nhiều người theo Đạo Mẫu, là những ông đồng, bà đồng. Một loạt các đền, phủ đã xuất hiện ở hầu khắp các huyện trong tỉnh. Ở thị trấn Dầu Tiếng, gần Ứng Linh phủ xuất hiện thêm hai phủ khác là Kim Trúc tự (Kp.3, TT. Dầu Tiếng) của bà cụ Sung và Đông Quân Linh tự (Kp.2, TT. Dầu Tiếng) do thầy Hai xây dựng. Ở xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng có phủ Linh Sơn được xây dựng vào năm Tân Sửu (1961) và lùi về phía Nam, ở xã Lai Hưng, Bến Cát có đền Thánh Mẫu (Đông Công linh từ) được bà đồng Quế xây dựng năm Bính Thân (1956). Ở P. Bình An, thị xã Dĩ An có đền Công đồng Bắc Lệ xây dựng năm 1956 và đền Thánh Mẫu xây dựng năm Mậu Thân (1968).

Như vậy, sự phát triển ban đầu của Đạo Mẫu ở Bình Dương là do một bộ phận người Bắc di cư mang vào. Sống ở vùng đất mới nhưng bởi có “căn” nên các ông đồng, bà đồng vẫn phải Lên đồng hầu Thánh. Hoạt động của các đền, phủ thời điểm này khá nhộn nhịp. Người dân quanh đền Thánh Mẫu (Lai Hưng, Bến Cát) còn nhớ rất nhiều câu chuyện về ông đồng Sáu Mich là người tiếp quản trông coi đền Thánh Mẫu khi bà đồng Quế mất. Ông thuộc dòng Thanh đồng, thờ tam phủ Trần triều, mỗi lần lên đồng đều bắt quái, trừ yêu, chữa bệnh cho phụ nữ và con nít. Khi lên đồng ông thường xỏ xiên quai, đi giáp vòng trong làng, đàn bà bị bệnh ông trùm chiếu, đốt bên ngoài để chữa bệnh hoặc cắt máu ở lưỡi) để chữa bệnh cho trẻ con

Trong một thời gian khá dài, không một đền, phủ mới nào được xây dựng và Đạo Mẫu Bình Dương phát triển lặng lẽ với những cơ sở cũ đã có. Đến những thập niên cuối của thế kỷ XX, ở Bình Dương xuất hiện một số những ông đồng, bà đồng mới và một loạt đền phủ mới được xây dựng. Họ đều là những người đã vào Nam từ năm 1954 nhưng họ mưu sinh, buôn bán ở Sài Gòn, một thời gian sau khi đã ổn định về kinh tế những ông đồng bà đồng trên mới về Bình Dương mua đất xây đền. Có một điều đặc biệt là những đền, phủ mới này đều được xây dựng ở P. Bình An, thị xã Dĩ An. Đó là đền Quan Đệ Nhị do bà Bùi Thị Mùi xây dựng; Tuân Quán linh từ do bà Bùi Thị Việt Khanh xây dựng năm 1991; bà đồng Nghĩa xây dựng đền Châu Lục năm 1988.

Tiếp tục đà phát triển trên, những năm sau này có nhiều đền, phủ mới được xây dựng như đền Bảo Hà anh linh vọng từ (P. Bình An, thị xã Dĩ An) xây dựng năm 2007; Bảo Hà vọng từ (P. Đông Hòa, thị xã Dĩ An) xây dựng năm 2011; đền cô Hoa (P. Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An) xây dựng năm 2010 và một vài điện nhỏ rải rác ở xã Hưng Hòa (Bến Cát).

Từ sau năm 1990, khi những hoạt động Lên đồng, hát Châu văn ít bị cấm đoán, Đạo Mẫu ở Bình Dương đã có sự phát triển với sự xuất hiện của nhiều đền, phủ mới; hoạt động của các đền phủ cũng có phần sôi động hơn trước, số lượng con nhang đệ tử cũng tăng lên. Tuy vậy, các hoạt động của Đạo Mẫu vẫn khép kín trong một bộ phận người gốc Bắc và Đạo Mẫu cũng như nghi lễ Lên Đồng hầu như hoàn toàn xa lạ với người miền Nam.

II. KIẾN TRÚC, BÀI TRÍ, HỆ THỐNG ĐIỆN THỜ

1. Kiến trúc đơn chiếc

Mẫu và các vị Thánh tứ phủ ở Bình Dương được thờ trong các cơ sở có tên Đền, Điện, Phủ, Từ và thậm chí cả Tự (chùa) (dưới đây tác giả dùng từ đền, phủ để chỉ các cơ sở thờ Mẫu và các vị Thánh Tứ phủ) như Đền Quan Đệ Nhị, Ứng Linh phủ, Đông Công Linh từ, Điện Bảo Hà vọng từ, Kim Trúc tự... Thông thường, Đền, Phủ, Từ dùng để chỉ các cơ sở có quy mô lớn, riêng biệt còn Điện dùng để chỉ các cơ sở nhỏ hoặc chỉ là một gian trong nhà dùng riêng cho việc thờ Mẫu và các vị Thánh. Các đền, phủ Bình Dương cũng thường có thêm từ “vọng” phía sau ý chỉ đây không phải là nơi chính mà chỉ là nơi thờ vọng.

Do được xây dựng trong nhiều thời điểm khác nhau nên kiến trúc của các đền, phủ ở Bình Dương không đồng nhất nhưng vẫn có một vài điểm chung. Thứ nhất là mảnh đất để xây dựng. Theo các ông đồng, bà đồng thì đây là những mảnh đất rất linh đã được Thánh chọn và thông qua giấc mơ hoặc điềm báo báo hiệu cho ông đồng, bà đồng biết. Bà đồng Ng.T.Ng cho biết miếng đất bà mua để xây đền phải mua với giá rất cao và phải trải qua rất nhiều trắc trở mới mua được. Nhiều lúc bà đã muốn nản, chọn mua mảnh đất khác nhưng không được vì vị Thánh căn mạng của bà đã chọn mảnh đất này và thường xuyên về báo mộng. Và một sự không thể là tình cờ, quanh các đền phủ thường có khá nhiều các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo khác như sự gặp nhau về tâm linh, về phong thủy.

Vì sự tương quan giữa bề ngang và chiều sâu nên tuy lớn nhỏ khác nhau nhưng các đền, phủ đều gần như vuông; nhiều đền, phủ có diện tích khá lớn, chắc chắn với tường xây, mái ngói. Khác với những quần thể kiến trúc đồ sộ thường thấy ở các đền, phủ ngoài Bắc Bộ, các đền, phủ ở Bình Dương chỉ là một công trình đơn chiếc, đứng riêng lẻ, độc lập. Tuy nhiên, về tổng thể các đền phủ đó có một tư thế hài hòa, hòa nhập với thiên nhiên xung quanh tạo một cảm giác yên tĩnh, âm cúng, nhẹ nhàng thoải mái.

Trong các đền, phủ ở Bình Dương thiếu vắng tranh thờ, ngược lại với cách bài trí rất nhiều tranh thờ trong các đền, phủ Bắc Bộ. Trong tất cả các đền, phủ chúng tôi chỉ ghi nhận một số tranh Tứ phủ tại Bảo Hà anh linh vọng từ (P. Bình An, thị xã Dĩ An) còn các đền, phủ khác nếu có tranh, ảnh thì đó chỉ là ảnh thờ những người thân trong gia đình hoặc các đời đồng đền trước.

Tuy thiếu vắng một mảng quan trọng là tranh thờ nhưng sự xấp đặt, màu sắc trong các đền, phủ rất hài hòa và theo những quy tắc, khuôn mẫu nhất định. Màu sắc ở đây thể hiện rõ ràng quan điểm và biểu tượng của ngũ sắc: đỏ, trắng, xanh, vàng và việc trang trí trong đền, phủ đều chỉ dùng các màu sắc trên từ màu tượng sơn các Thánh đến hai hàng nón treo, đến hai rần Thanh Xà, Bạch Xà vắt vẻo trên xà nhà cũng như tượng ngũ Hổ dưới Hạ ban.

Ở mỗi đền, phủ đều sở hữu một số lượng lớn các loại tượng thờ. Ở các đền, phủ cũ, tượng thờ thường được tạc bằng gỗ, sơn son thếp vàng; các tượng sau này thường được đúc bằng xi măng và sơn màu tương ứng. Ngoài ra trong các đền, phủ còn có khá nhiều hoành phi, câu đối vừa để giới thiệu, ca ngợi công đức các vị Thánh, vừa mang tính chất trang trí.

2. Cách bài trí

Đạo Mẫu có một số lượng các Thánh khá đồ sộ và được bố trí, sắp xếp hài hòa, cân đối trong điện thờ theo một quy tắc nhất định. Gian thờ được chia thành ba gian gồm gian giữa, gian bên trái và gian bên phải.

Cung cấm: là nơi thờ Tam toà Thánh Mẫu, thường có treo hoành phi: 母儀天下 - Mẫu nghi thiên hạ. Tam toà Thánh Mẫu gồm: Mẫu Đệ Nhất thượng thiên ở chính giữa, cai quản tầng trời, trang phục màu đỏ, chính là Liễu Hạnh công

chúa; Mẫu Đệ Nhị thượng ngàn, trông coi miền rừng núi, trang phục màu xanh; mẫu Thoải cai quản miền sông nước, trang phục màu trắng. Mỗi mẫu thường có hai cung nữ theo hầu. Thường trong Cắm cung cũng thờ các vị Thánh hàng Châu, gồm từ 6 đến 12 Thánh, đặt dưới các Thánh Mẫu.

Gian Cung cắm thường được bố trí tuy ở nơi cao nhất nhưng thường kín đáo khuất vào phía trong cùng và ở gian giữa của điện thờ. Ở những đền, phủ không có điều kiện không gian để xây thành một khu riêng biệt thì các Mẫu cùng hàng Châu cũng được đặt trên một bệ thờ riêng, tách khỏi bệ thờ Vua Cha, Quan Lớn và Quan Hoàng. Ở Ứng Linh phủ (TT. Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng) và phủ Linh Sơn (xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng) có tượng của Quan Âm Bồ Tát đặt hàng trên cùng, cao hơn Tam Tòa Thánh Mẫu, ở những điện thờ khác không có.



Cắm cung (Đền Bắc Lệ, P. Bình An, Tx. Dĩ An)

Nằm ở gian giữa, phía trước Cung cắm là gian thờ Đức Vua cha, ngũ vị Quan Lớn và Mười vị Quan Hoàng. Khi nào tượng Đức Vua cha cũng được đặt trên cùng, hàng dưới là Ngũ vị Quan Lớn gồm 5 ông từ Quan Đệ Nhất đến Quan Đệ Ngũ. Quan Hoàng gồm 5 vị, từ Quan Đệ Nhất đến Quan Hoàng 10, trong đó nổi tiếng nhất là Quan Hoàng Bảy và Quan Hoàng Mười. Đây là hai giá đồng thường xuyên giáng. Tượng Vua cha, Quan Lớn và Quan Hoàng thường được trang trí võ phục, màu sắc tùy theo từng phủ, thiên phủ trang phục màu đỏ, Nhạc phủ màu xanh, Thoải phủ màu trắng và địa phủ màu vàng.

Gian thờ Đức Vua cha được đặt chính giữa đền, phủ, còn gọi là gian Công đồng. Tượng của Thánh thủ điện cũng được đặt tại gian công đồng này. Tượng thường đặt đứng chính giữa, có kích thước lớn hơn, nổi bật hơn các tượng khác. Vì số lượng các tượng khá nhiều mà nên các đền, phủ thường không có đủ Ngũ vị Quan Lớn cũng như 10 Quan Hoàng mà thường đặt tượng trung các Thánh thường nhập đồng hơn.

Bên dưới gian Công đồng là Hạ ban nơi đặt tượng Ngũ Hồ hoặc chỉ một tượng Hoàng Hồ.

Bên trái gian Công đồng là gian thờ Tam phủ Trần triều đặt tượng Đức Trần Hưng Đạo cùng hai người con gái của ngài là Đệ Nhất Vương bà mặc trang phục màu đỏ và Đệ Nhị Vương cô trang phục màu xanh. Vì số lượng tượng ở gian thờ này ít nên các đèn, phủ đều đặt đủ ba tượng và màu sắc trang trí ở đây làm nổi bật màu đỏ.

Bên phải gian công đồng là cung Sơn trang với Bà Chúa sơn lâm và 12 cô sơn trang. Gian Sơn trang được trang trí với màu chủ đạo là màu xanh và nhiều đèn, phủ còn cố gắng tạo cảnh giả sơn với hình tượng núi non, cây cối. Gian này cũng ít đèn có đủ tượng mà thường chỉ có tượng Bà Chúa Sơn Trang cùng hai tượng hai bên.

Gian thờ Cô và Cậu thường được đặt riêng ở phía ngoài hoặc xây một am nhỏ ngoài sân, đứng chầu hai bên vì Cô và Cậu còn nhỏ, chưa hiểu lễ nghĩa và cũng đặt ở ngoài để nô giỡn cho thoải mái. Có từ 6 đến 12 Cô, Cậu nhưng thường chỉ có một tượng thờ tượng trung.

Không gian cho những ông đồng, bà đồng là một khoảng vuông chừng 9m² ở trước gian công đồng, ngược mặt lên là Thủ điện và Đức Vua cha cùng các Quan Lớn, Quan Hoàng, bên tay phải là khu của Cung văn, hai mặt còn lại là của các con nhang đệ tử, của bà con thân thích cùng những người tham dự. Từ hệ thống tượng thờ đến đồ trang trí, các loại vàng mã, màu sắc trong điện thờ, trang phục của các ông đồng, bà đồng... đã góp phần tạo nên hiệu quả tâm lý đầy ảo giác cho không chỉ các ông đồng, bà đồng mà cả các con nhang đệ tử khác.

III. NGHI THỨC LÊN ĐỒNG

Lên đồng là nghi lễ quan trọng nhất của Đạo Mẫu, là nghi lễ tái hiện lại hình ảnh của các vị Thánh thông qua các “ghế đồng”. Do điều kiện kinh tế và tùy vào tính chất của từng dịp mà mỗi một nghi thức có thể dài ngắn, lớn nhỏ khác nhau nhưng vẫn phải tuân theo những nghi thức và nguyên tắc nhất định. Để tiện cho độc giả theo dõi, chúng tôi xin tường thuật một nghi thức Lên đồng điển hình ở Bình Dương.

Tuần Quán Linh từ là ngôi đền được xây dựng năm 1991 bởi và đồng Ng.Th.Ngh. Thánh thủ điện là Châu Lục Cung nương nên trong giới đồng bóng thường gọi là đền Châu Lục. Hiện nay do điều kiện về nhân sự và kinh tế nên một năm Tuần Quán linh từ chỉ hầu một vẫn và tổ chức tế vào ngày 10/9 (AL) là ngày sinh của Châu Lục. Việc chọn Chánh tế cho đền phải do đồng đền đích thân chọn người và đứng chánh tế cho đền Châu Lục là bà đồng Tr.Th.L. Bà là con nuôi của đồng đền Ng.Th.Ng và trong giới đồng ai cũng khen bà là người hiền lành, đức độ, rất biết cách ăn ở với mọi người. Cuộc tế diễn ra trong vòng một tiếng đồng hồ. Sau khi ăn trưa thụ lộc Thánh, là nghi thức Hầu đồng.

Cũng như ở nhiều đền, phủ khác và ở khắp các miền Bắc, Trung, Nam, cuộc Lên đồng diễn ra ở trước ban Công đồng, trong đó nơi cho bà Đồng làm lễ là một khoảng rộng chừng 10m² được xây cao hơn mặt sàn khoảng 1 tấc. Phía trước là ban thờ, ba mặt còn lại là chỗ ngồi của cung văn và những người ngồi dự. Khi bắt đầu buổi lễ, bao giờ bà đồng cũng mặc trang phục màu trắng để thể hiện sự trong trắng của mình trước khi trở thành “cái bóng”, “cái ghế” cho thần linh nhập vào. Trong một lễ Lên đồng có rất nhiều Thánh nhập vào ông đồng, bà đồng nên trước một lễ lên đồng, bên cạnh việc chuẩn bị nhiều thứ, bà đồng phải xếp khăn áo, đồ trang sức phù hợp cho mỗi giá đồng. Giúp bà đồng thay trang phục là hai Hầu dâng ngồi hai bên. Ngoài ra, họ còn giúp bà đồng thấp hương, dâng rượu, che quạt... trong suốt buổi hầu.

Sau khi bà đồng ngồi vào vị trí, hai người hầu trùm lên đầu bà một tấm khăn màu đỏ, gọi là khăn phủ điện. Tiếng nhạc trỗi lên lại thỉnh Thánh Mẫu, bà đồng hai tay đặt

ngửa lên gồi, người khẽ lắc lư theo điệu nhạc. Cung văn lần lượt chuyển mời từ Thánh Mẫu Đệ Nhất Thượng Thiên, Đệ Nhị Thượng Ngàn đến Mẫu Thoải nhưng các vị Thánh Mẫu chỉ giáng chứ không nhập đồng. Người ta gọi như vậy là Hầu trùm khăn hay Hầu trắng mạn, trắng bóng.

Sau đó, bà đồng bồng giơ một ngón tay trái là dấu hiệu báo Quan Lớn Đệ Nhất nhập đồng. Cung văn chuyển lời hát văn Quan Lớn Đệ Nhất trong khi hai hầu dâng hai bên thay trang phục cho bà đồng. Các vị Thánh hàng Quan đều thuộc võ quan nên từ trang phục đến điệu bộ đều rất uy nghi, Quan Đệ Nhất thuộc Thiên phủ nên mặc lễ phục màu đỏ. Sau khi lễ phục đã tươm tất, bà đồng hô một tiếng to, tay vỗ vào chiếc ghế nệm để tay, dứt khoát đứng dậy. Bà đón từ tay hầu dâng một bó nhang lớn, làm lễ dâng hương lên Thánh Mẫu. Đây là nghi thức không thể thiếu ở bất kỳ một giá đồng nào, ở tất cả các vị Thánh về nhập đồng. Quan Lớn Đệ Nhất vốn gốc tích Thiên thần, không tiếp xúc với người trần nên sau khi chứng sớ, chứng lễ thì “xe giá hồi cung”, kết thúc một giá đồng.

Hàng Quan Lớn có 5 vị Thánh thì hôm nay giáng đồng cả năm vị. Quan Đệ Nhị còn gọi là Quan Giám sát, thuộc Nhạc phủ, mặc trang phục màu xanh, trông coi, giám sát việc sinh tử của người trần. Tuy Quan Đệ Nhị có tiếp xúc với người trần, nhưng không có con nhang đệ tử nào lên xin lộc mà chỉ có đồng đền lên thỉnh cầu nên giá đồng diễn ra rất ngắn, chỉ trong vòng 10’. Sau Quan Lớn Đệ Nhị lần lượt là Quan Lớn Đệ Tam, Quan Đệ Tứ và Quan Đệ Ngũ giáng đồng nhưng Quan Lớn Đệ tứ chỉ chứng lễ, chứng mã rồi “thăng” trong khi đó ở hai giá Quan Lớn Đệ Tam và Quan Lớn Đệ Ngũ diễn ra khá lâu, người lên xin và Thánh cho lộc lại cũng rất nhiều. Không những phát lộc (tiền, thuốc, rượu, trà...) cho những đệ tử thân cận, những người có đóng góp để thành lễ, Thánh còn phát lộc (tiền) cho tất cả những người tham dự.

Đặc biệt, trong giá Quan Lớn Đệ Tam (Quan Bơ Thoải) vì ngài là vị Quan Lớn tài danh hàng đầu nên rất nhiều người tới xin lộc để làm ăn, xin lộc để thăng quan tiến chức... Mỗi lần xin lộc, con nhang xếp tiền (thường là tiền mới) thành một vòng tròn rất đẹp, đặt trên đĩa hoặc gài vào một cây gậy (giống như một chiếc quạt tiền), lom khom tiến tới gần Thánh (trong hình hài bà đồng), trình bày lời thỉnh cầu; sau khi phán truyền, Thánh chỉ lấy một ít trong số lễ con nhang đưa lên rồi phát lộc lại cho người xin, phát lộc cho hai hầu dâng hai bên, cho một số đệ tử và cho cung văn. Như vậy, càng nhiều lên xin lộc, bà đồng càng “tán” ra nhiều. Nhưng theo quan niệm thì đó lại là điềm tốt vì càng phát ra nhiều, bà đồng càng được đức, được lộc nhiều.

Sau các vị Thánh hàng Quan là các vị Thánh hàng Châu. Trong số 12 vị thì bà đồng L chỉ nhập đồng 6 vị, đó là Châu Đệ Tứ, Châu Ngũ, Châu Lục, Châu Cửu và Châu Bé Bắc Lệ. Các vị Thánh hàng Châu đều là các nữ thần có nguồn gốc nhân thần, giúp việc cho Thánh Mẫu ở bốn phủ và phần lớn các vị Thánh này có nguồn gốc là người dân tộc thiểu số. Vì vậy, trang phục, âm nhạc, các điệu múa trong các giá Thánh hàng Châu mang nhiều sắc thái của một số dân tộc.

Điệu múa trong các giá cũng là một trong những nét đặc sắc của nghi lễ Lên đồng và là cả một mảng nghệ thuật trong nghệ thuật trình diễn. Nếu trong các giá hàng Quan Lớn, Quan Hoàng thường có múa đao, múa kiếm, múa cờ mang cái mạnh mẽ, uy nghi của các vị võ quan thì trong các giá hàng Châu lại thường múa môi, múa chèo đò... là các điệu múa ít nhiều mang hơi hướng hoặc thể hiện các vị Thánh hàng Châu có nguồn gốc là người dân tộc ít người. Ở các giá hàng Cô lại thường có múa lăng hoa, múa quạt, múa chèo đò...

Ở các giá hàng Châu, diễn ra lâu nhất và vui vẻ nhất là giá Châu Lục, giá của Thánh trông coi bản đền. Mặt khác, bà là người rất hào phóng, sáng khoái nên hầu như

mọi ông đồng bà đồng đều hầu bà. Ở rất nhiều giá hầu, các Thánh thường hút thuốc, uống rượu, ngồi nghe cung văn hát ca ngợi mình. Ở giá châu Lục cũng vậy, ngoài ra, Châu Lục còn nghe lời thỉnh cầu và phát lộc cho rất nhiều người. Giá đồng diễn ra 30' trong không khí vui vẻ, náo nhiệt.

Cuộc lễ tiếp tục với rất nhiều các vị Thánh khác thuộc hàng Quan Hoàng, hàng Cô và hàng Cậu. Các hành động được lặp đi lặp lại: hầu dâng phủ khăn lên bà đồng => mở khăn khi có vị Thánh nhập => thay trang phục => dâng hương => múa các điệu múa => phán truyền, phát lộc => xe giá hồi cung. Theo khảo sát của chúng tôi, mỗi một lễ Lên đồng ở Bình Dương có khoảng gần 30 giá đồng, diễn ra trong khoảng 4 – 5 giờ. Sau mỗi một buổi Hầu, mặc dù phải múa, làm lễ liên tục nhưng dường như mỗi ông đồng, bà đồng không hề thấy mệt mà trong thần thái họ lại có niềm vui tươi, phấn khởi mới. Gạt đi lớp sương tâm linh ta nhận thấy đây thực sự là một sân khấu tổng hợp của vũ đạo, lời hát, của màu sắc... và các ông đồng, bà đồng là những diễn viên đầy tài năng.

IV. CHÀU VĂN – NHẠC LỄ CỦA ĐẠO MẪU

Châu văn còn gọi là Hát văn là loại hình nghệ thuật ca hát cổ truyền của Việt Nam gắn liền với đạo Tam, Tứ phủ và nghi lễ Lên đồng. Châu văn có xuất xứ từ đồng bằng Bắc Bộ với các trung tâm lớn như Nam Định, Hà Nam, Hà Nội, Hải Phòng. Theo bước chân của đạo Mẫu, châu văn đã xuất hiện ở Bình Dương từ những năm 50 của thế kỷ 20, gắn liền với sự hình thành, tồn tại và phát triển của đạo Mẫu ở Bình Dương.

Về nguồn gốc ra đời của Châu Văn cho đến hiện nay vẫn có khá nhiều ý kiến khác nhau, các tài liệu ghi chép về Châu Văn cũng rất ít nhưng các tài liệu đều khẳng định Châu Văn có lịch sử lâu dài, ra đời sớm hơn các loại hình dân ca khác. Thời kỳ thịnh vượng nhất của Châu Văn là cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Từ năm 1954, hát văn dần dần mai một do hầu đồng bị cấm. Đến đầu những năm 1990, Hát văn lại có cơ hội phát triển cùng với sự trở lại của nghi thức Hầu đồng. Với quá trình tồn tại lâu dài cùng sự quan tâm của mọi tầng lớp trong xã hội và vai trò của nó trong đời sống tâm linh, Châu Văn phát triển và dần hoàn thiện thành một loại hình nghệ thuật vô cùng đặc sắc từ nhạc cụ, âm nhạc, văn châu đến nghệ nhân biểu diễn.

Dàn nhạc trong Châu Văn lớn nhỏ tùy thuộc vào từng địa phương, vào mức độ của buổi lễ và yêu cầu của người làm lễ nhưng không thể thiếu ba nhạc cụ chính yếu là đàn nguyệt, trống nhỏ và cánh đôi. Âm thanh, tiết tấu, nhịp điệu của ba nhạc cụ trên tạo nên tính cách riêng biệt và đặc thù của Hát Văn. Điểm đặc sắc trong dàn nhạc của Châu Văn ở chỗ sử dụng Đàn nguyệt là nhạc cụ mang tính âm là nhạc cụ chính mang tính dẫn dắt trong cả dàn nhạc. Phải chăng vào thời đoạn hình thành nghệ thuật Hát Văn, cổ nhân đã trưng dụng cây đàn nguyệt với mục đích để phù hợp, tôn vinh vai trò âm tính - nữ tính - Thánh Mẫu - vai trò chính thần trong tín ngưỡng Tứ phủ?!

Châu Văn có một hệ thống làn điệu vô cùng phong phú do nó luôn thu nạp, tiếp nhận nhiều bài bản, làn điệu từ các thể loại dân ca nhạc cổ và ở nhiều địa phương, kể cả các điệu hát của các dân tộc thiểu số nên vừa hình thành nên nhiều làn điệu mang tính chuyên dùng khá cao vừa được người dân ở các địa phương dễ dàng tiếp nhận. Tựu trung lại, Hát văn có 13 điệu, hay còn gọi là lối hát. Đó là: Bì, Miểu, Thông, Phú Bình, Phú Chên, Phú Nói, Phú Râu, Đưa Thơ, Văn, Dọc, Còn, Hãm và Dồn. Các nghệ nhân khi sáng tác sử dụng các lối hát trên một cách linh hoạt, uyển chuyển bởi mỗi lối hát có đặc trưng riêng và nhiều khi chỉ được dùng trong một hình thức hát.

Văn châu chính là phần lời hát trong Châu Văn. Đó là những bản văn với những lời văn chau chuốt, trang nghiêm viết theo thể thơ lục bát, lục bát biến thể và song thất lục bát nhằm nói về sự tích, công trạng của một vị thánh nào đó trong hệ thống các

thánh của đạo Mẫu Tam, Tứ phủ. Các bản văn châu tuy có độ ngắn dài khác nhau nhưng có một cấu trúc tương đối thống nhất. Đầu tiên nói về chiến tích của vị Thánh, phần nội dung chính nói về dung nhan, tướng mạo, hành tung của vị Thánh đó và cuối cùng là những gì vị Thánh mang lại cho con người khi con người kêu cầu tới ngài. Văn châu còn mang ý nghĩa văn hóa lịch sử vì bên cạnh nội dung chính phản ánh về các vị Thánh thì nhiều địa danh, nhất là các danh lam thắng cảnh, nhiều sự kiện lịch sử, nhiều sinh hoạt văn hóa xã hội cũng được mô tả khá sinh động làm nên những bức tranh về lịch sử, xã hội văn hóa của đất nước từ thế kỷ XVII đến nay.

Nói đến nghệ thuật hát Châu Văn không thể không nói tới tầng lớp nghệ nhân (được gọi là cung văn) bởi qua nhiều thế hệ họ chính là những người đưa Châu Văn đến với người nghe, có công rất lớn trong việc phổ biến, lưu truyền loại hình âm nhạc này. Hát văn không chỉ khó mà còn đòi hỏi người cung văn phải nhanh, linh hoạt để vừa có thể chuyển lời, giọng và nhạc cho ăn khớp mà vẫn hay, vẫn sát vai của người ngồi đồng. Khi hát, cung văn phải hát sao cho thể hiện tâm lý tình cảm của các nhân vật nên giọng hát phải chuyển đổi luôn luôn. Do lễ thức Lên đồng thường kéo dài nên các cung văn thường phải rất đa năng, vừa có thể chơi được các nhạc cụ vừa có khả năng hát. Bên cạnh đó cung văn cũng phải có một thể lực và giọng hát khỏe mới có thể đảm bảo hát tốt trong suốt cuộc diễn.

Từ khởi thủy cho tới ngày nay, Châu Văn là để phục vụ cho nghi thức Lên đồng – nghi thức quan trọng nhất của tín ngưỡng Tam, Tứ phủ. Cũng vì lý do này mà có giả thiết cho rằng sự ra đời của Châu Văn bắt nguồn từ việc các con nhang đệ tử để cho dễ nhớ các bài khấn tứ phủ đã khấn bằng những bài văn lục bát và “phổ nhạc” cho những bài văn khấn đó để rồi sau này phát triển thành Châu Văn. Châu Văn được chia thành ba kiểu hát là hát thi, hát thờ và hát lên đồng, trong đó hát lên đồng dùng trong quá trình thực hiện nghi lễ hầu đồng là ý nghĩa quan trọng nhất của Châu Văn.

Châu Văn là linh hồn của Lên đồng, không có Châu Văn thì không thể hình thành được một văn hầu. Trình tự thực hiện nghi lễ hát châu văn phục vụ hầu đồng có thể chia thành bốn phần chính: 1) Mời thánh nhập → 2) Kể sự tích và công đức → 3) Xin thánh phù hộ → 4) Đưa tiễn. Bài hát thường chấm dứt với câu: "Xe loan thánh giá hội cung!". Tùy vào từng phần mà Châu Văn có lời hát, tiết tấu phù hợp để kích thích sự thăng hoa, giao cảm giữa các ông đồng, bà đồng, các con nhang đệ tử với thế giới thần linh. Châu Văn thường sử dụng nhịp ngoại (đảo phách) là loại nhịp điệu mang đến cảm giác không ổn định trong tâm trí người nghe. Bên cạnh đó các loại chất kích thích khác như rượu, thuốc lá... dễ dàng đưa những ông đồng, bà đồng tự kỷ ám thị thoát xác để nhập thân với các vị Thánh. Các bài văn châu giúp người nghe, người nghiên cứu nắm rõ về thần tích, thần phả của các vị thánh cũng như phong cảnh nơi các ngài giá ngự và hiển thánh.

Châu Văn là một yếu tố quan trọng để thu hút công chúng đến với tín ngưỡng Tứ phủ. Bên cạnh việc đáp ứng các nhu cầu chung của con người khi tìm đến với cõi tâm linh thì sự thỏa mãn nhu cầu thưởng thức, thụ cảm nghệ thuật âm nhạc được đẩy vọt lên tầm cao nhất khi thưởng thức hát văn trong khung cảnh hầu đồng. Nói cách khác, nếu như các hình thức tôn giáo, tín ngưỡng nói chung thường lấy hệ thống giáo lý, kinh kệ làm phương tiện chủ đạo để xoa dịu nỗi đau của con người thì tín ngưỡng Tứ phủ lại sử dụng nghệ thuật âm nhạc hát văn làm công cụ.

Từ Bắc Bộ, người Việt đã mang theo tín ngưỡng thờ Tam phủ, Tứ phủ, nghi lễ Hầu đồng và cùng với nó chính là Châu Văn vào Bình Dương. Ứng Linh phủ là cơ sở đạo Mẫu đầu tiên được xây dựng ở Bình Dương bởi ông Đỗ Viết Quý vào năm 1945 tại làng Định Thành, huyện Dầu Tiếng (nay thuộc Kp.3, TT. Dầu Tiếng, huyện Dầu

Tiếng). Tuy nhiên, phải đến năm 1953 mới ghi nhận có nghi lễ Lên đồng và hát Châu Văn. Đó là vào dịp Ứng Linh phủ khánh thành lại sau khi bị cháy từ ngày 12 – 16/11/1953. Theo lời cô Hồng, con dâu ông Quý thì cung văn hồi đó gồm 4 người: ông thầy Út, ông thầy Điều, ông thầy Hai và ông Châu. Trong đó ông thầy Út là người chơi đàn nguyệt và hát chính; thầy Điều gõ trống, phách; thầy Hai (đồng đền Đông Quân Linh tự) hát phụ cho thầy Út và ông Châu thổi kèn.

Điểm đặc biệt tạo nên phong cách địa phương trong dàn nhạc Châu Văn của Bình Dương nói riêng, Nam Bộ nói chung khác với phong cách Bắc Bộ là sự xuất hiện của Kèn bầu. Ở miền Bắc, Kèn bầu chỉ sử dụng trong đám tang, không sử dụng trong các nghi lễ. Châu Văn ở Bình Dương trong giai đoạn này phát triển ổn định và có mặt ở toàn tỉnh gắn với các đền phủ trên địa bàn: cụm đền phủ Ứng Linh phủ, Kim Trúc tự, Đông Quân linh tự ở TT. Dầu Tiếng; phủ Linh Sơn ở xã Minh Hòa, Dầu Tiếng; lui xuống phía nam có Đền Thánh Mẫu ở xã Lai Hưng, huyện Bến Cát và ở Dĩ An có đền Công đồng Bắc Lệ, đền Thánh Mẫu. Từ sau năm 1990, với sự xuất hiện của một loạt các đền phủ trên toàn tỉnh, hoạt động của các nghi lễ Lên đồng cũng rầm rộ hơn kéo theo sự phát triển của Châu Văn. Hoạt động chuyên nghiệp nhất là cung văn thường hát tại Bảo Hà anh linh vọng từ (P. Bình An, Tx. Dĩ An). Thu nhập của các cung văn chuyên nghiệp này khá cao, thấp nhất là 5 triệu/người/một vấn hầu. Vào những tháng cao điểm có tới chục vấn hầu. Nhưng có một thực trạng là ở Bình Dương hiện nay không có nghệ nhân nào kế nghiệp nghệ thuật hát Châu Văn. Những cung văn hiện nay hoạt động ở Bình Dương đều là người miền Bắc vào, từ Tp. Hồ Chí Minh lên hoặc từ Đồng Nai xuống. Đây là một khoảng trống văn hóa đáng tiếc khi Châu Văn ngày càng nhận được sự hưởng ứng. Nhận thức được giá trị nghệ thuật độc đáo cùng ý nghĩa văn hóa, lịch sử, Bộ VH-TT-DL đã đưa Châu Văn vào danh mục Di sản để nghiên cứu, lập hồ sơ đệ trình UNESCO công nhận là Di sản văn hóa Thế giới.

Một vài năm trở lại đây ở Bình Dương xuất hiện thêm nhiều cơ sở của tín ngưỡng Tam phủ Tứ phủ; sự hoạt động của các đền phủ cũ cũng trở nên nhộn nhịp; hát Châu văn cũng ngày càng được quan tâm và biểu diễn trên các phương tiện đại chúng. Tuy nhiên sự hiểu biết của các cấp quản lý văn hoá về Đạo Mẫu Tam phủ, Tứ phủ ở Bình Dương còn nhiều hạn chế dẫn đến sự cảm đoán cũng như quản lý không hiệu quả các hoạt động của các đền, phủ trên địa bàn. Thông qua bài viết, tác giả hi vọng góp phần vào sự hiểu biết chung của cộng đồng đối với đạo Mẫu Tam phủ, Tứ phủ ở Bình Dương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đạo Mẫu Việt Nam, Ngô Đức Thịnh, Nxb Tôn giáo, 2009*
2. *Lên đồng – hành trình của thần linh và thân phận, Ngô Đức Thịnh, Nxb Trẻ, 2009*
3. *Tư liệu điền dã cá nhân*